

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định mức giá thu tạm thời một số
dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh,
chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc bổ sung Thông tư liên Bộ số 14/TTLB ngày 30/9/1995 của liên Bộ Y tế - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội - Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn thực hiện việc thu một phần viện phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước;

Thực hiện Công văn số 10/HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xem xét bãi bỏ Nghị quyết;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 40/TTr-SYT ngày 18 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Sở Y tế Về việc ban hành quy định mức giá thu tạm thời một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định mức giá thu tạm thời một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. (Giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và dịch vụ kỹ thuật chưa có quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH ngày 26 tháng 01 năm 2006 và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012: 36 dịch vụ).

(chi tiết theo Biểu giá thu tạm thời)



Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính và các Sở, Ngành chức năng có liên quan:

- Tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh quản lý, sử dụng nguồn thu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Y tế và các Bộ, Ngành liên quan xem xét bổ sung các dịch vụ trên vào khung giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước. Sau khi Bộ Y tế và các Bộ, Ngành liên quan ban hành quy định mới có liên quan đến các dịch vụ trên thì kịp thời đề xuất và trình Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Mức giá thu tạm thời một số dịch vụ nêu tại Điều 1 Quyết định này là căn cứ để cơ quan Bảo hiểm Xã hội thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng có thể bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc: Sở Y tế, Sở Tài chính, Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3; *th*
- Bộ YT; Bộ TP; Bộ TC; } (thay b/c)
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; }
- Cục KTVBQPPL - BTP (KT);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (Giám sát);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (Tự kiểm tra);
- Phó CVP (TH, VX) - VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB - TH (Đăng Công báo);
- Lưu: VT, Phòng QHKHTH, (th).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *(Kieu)*



Lê Thị Ái Nam

Biểu giá thu tạm thời
DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH VÀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT CHƯA CÓ QUY ĐỊNH
TẠI THÔNG TƯ LIÊN TỊCH 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH
VÀ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 04/2012/TTLT-BYT-BTC
(Kèm theo Quyết định số 08 /2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục dịch vụ khám chữa bệnh		Đơn giá thu	Ghi chú
I	CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ XÉT NGHIỆM			
1	Đo độ loãng xương		100,000	
2	Pap's mear (phết tế bào cổ tử cung)		30,000	
3	Cell Block		30,000	
4	FNA		30,000	
5	Test nhanh BW		60,000	
6	Test nhanh tìm KST sốt rét (Test Parasight)		60,000	
7	Định lượng men Cholinesterase		45,000	
8	Test tìm Ký sinh trùng trong mô (mỗi loại)		150,000	
9	Test Helicobacter Pylori (Test HP)		60,000	
10	Định tính chất gây nghiện trong nước tiểu (mỗi loại)		50,000	
11	Định tính Beta HCG/nước tiểu		30,000	
12	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết		100,000	
13	Phết máu ngoại biên		30,000	
14	HBeAg nhanh		60,000	
15	HBeAB nhanh		60,000	
16	HBcAb nhanh		60,000	
17	Khám sàng lọc sơ sinh 3 yếu tố:	Cơ cấu 3 yếu tố:	270,000	
18	Công tiêm thuốc ngoại trú (trừ bệnh nhân điều trị lao ngoại trú)		2,000	
19	Các loại giường bệnh phục vụ theo yêu cầu (đồng/ngày/giường)		200,000	
20	Chuyển viện; (theo yêu cầu)			
	- Trong tỉnh:	2,2 lit/10km + 150.000 đ		
	- Ngoài tỉnh:			
	+ Từ Bạc Liêu - Cần Thơ	2,2 lit/10km + 180.000 đ		
	+ Từ Bạc Liêu - TP HCM	2,2 lit/10km + 210.000 đ		
21	Khám lâm sàng, khám chuyên khoa theo yêu cầu riêng (Người bệnh chọn thầy thuốc, khám ngoài giờ hành chính)			
	- Bệnh viện hạng II:	30.000đ/1 lần khám		
	- Bệnh viện hạng III:	20.000đ/1 lần khám		
	- Không áp dụng đối với Bệnh viện hạng IV, Bệnh viện chưa phân hạng, Phòng khám đa khoa và trạm y tế xã, phường, thị trấn			
II	PHẪU THUẬT - GMHS			
22	Khâu lỗ thủng ruột non	70% PT. Loại 2	1,400,000	
23	Phẫu thuật cắt túi mật (hồ)	70% PT. Loại 1	2,520,000	
24	Phẫu thuật nội soi hông lưng lấy sỏi niệu quản	70% PT. Loại 1	2,520,000	
25	Mở thông dạ dày ra da	70% PT. Loại 2	1,400,000	
26	Phẫu thuật lấy đường rò trước tai	70%PT. Loại 3	1,120,000	
27	Phẫu thuật lấy dị vật phần mềm	70%PT. Loại 3	1,120,000	
28	Cắt 1 hoặc 2 thùy tuyến giáp	70% PT. Loại 1	2,520,000	
29	Thùng tạng rộng, rách động mạch vùng bụng do bị đâm	70% PT. Loại 1	2,520,000	
30	Phẫu thuật điều trị gãy gò má, cung tiếp 1 bên	70% PT. Loại 2	1,400,000	
31	Xuyên đinh kéo tạ	70%PT. Loại 3	1,120,000	

III	CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH			
32	Mở dạ dày ra da qua nội soi (chưa có dụng cụ)	70% TT. Loại 1	980,000	
33	Siêu âm đàn hồi mô tuyến vú		250,000	
34	Siêu âm đàn hồi mô tuyến giáp		250,000	
35	Siêu âm đàn hồi mô gan		250,000	
36	Helicobacter qua hơi thở (C13, C14)		450,000	